

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 2
Gửi lấy ý kiến

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi

hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị

....

Điều x1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (gọi tắt là Nghị định 117/2007/NĐ-CP)

1. Bãi bỏ quy định tại điểm b, c Khoản 6 Điều 29 về Thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước
2. Bổ sung Điều 29a như sau:

“Điều 29a. Quy định điều kiện kinh doanh nước sạch:

1. Điều kiện kinh doanh nước sạch:

a) Đơn vị cấp nước đã thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã, có ngành nghề kinh doanh nước sạch (sau đây gọi chung là doanh nghiệp);

b) Doanh nghiệp có tổ chức bộ máy bao gồm các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ cơ bản: Công nghệ, kỹ thuật; quản lý chất lượng nước và bảo đảm cấp nước an toàn; chăm sóc khách hàng. Riêng đối với doanh nghiệp chỉ kinh doanh nước bán buôn có thể không có bộ phận chăm sóc khách hàng. Trường hợp sản lượng cung cấp nước sạch nhỏ hơn 10.000 m³/ngày.đêm, doanh nghiệp không phải thành lập bộ phận chuyên môn nghiệp vụ nhưng phải có cán bộ chuyên trách về công nghệ, kỹ thuật và bảo đảm cấp nước an toàn;

c) Doanh nghiệp phải có ít nhất 02 cán bộ chủ chốt tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo chuyên ngành cấp nước phụ trách bộ phận công nghệ, kỹ thuật và bảo đảm cấp nước an toàn; có ít nhất 01 lãnh đạo doanh nghiệp tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo chuyên ngành cấp nước. Trường hợp sản lượng cung cấp nước sạch nhỏ hơn 10.000 m³/ngày.đêm, doanh nghiệp phải có ít nhất 01 cán bộ chủ chốt và 01 lãnh đạo doanh nghiệp tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo chuyên ngành cấp nước;

d) Có văn bản Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước được ký kết giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền với doanh nghiệp;

đ) Có Kế hoạch phát triển cấp nước 05 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Có Kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp công trình cấp nước được đầu tư xây dựng mới, trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch, doanh nghiệp phải gửi Kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận để theo dõi, quản lý;

f) Chất lượng nước sạch phải đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

2. Hồ sơ, thẩm quyền và trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch bao gồm:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch theo Mẫu số 01 kèm theo: 01 bản;

- Danh sách các chức danh kèm theo hồ sơ của từng chức danh và bằng, chứng chỉ liên quan của các chức danh quy định tại khoản b, c khoản 1: 01 bản sao được chứng thực từ bản chính;

- Các văn bản, chứng nhận theo quy định tại điểm d, đ, e, f khoản 1: 01 bản sao được chứng thực từ bản chính;

- Bản sao công chứng hoặc chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch được cấp cho doanh nghiệp theo một hoặc nhiều vùng phục vụ cấp nước trên địa bàn một tỉnh/thành phố;

- Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch (sau đây gọi là cơ quan cấp Giấy chứng nhận). Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch cho doanh nghiệp có vùng phục vụ cấp nước nằm trong địa giới hành của cấp huyện; Sở Xây dựng cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch cho doanh nghiệp có vùng phục vụ cấp nước nằm trên địa bàn từ 02 huyện trở lên;

- Doanh nghiệp có vùng phục vụ cấp nước nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, Sở Xây dựng của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có nhà máy nước

trên địa bàn là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch, phối hợp với Sở Xây dựng các tỉnh liên quan;

c) Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch:

- Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận;

- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp gửi đến. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy chứng nhận có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 nêu trên; nếu hồ sơ hợp lệ, cấp giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp;

- Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch và trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch có giá trị 05 năm được cấp theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo;

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch được cấp lại trong các trường hợp sau:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch hết thời hạn, bị mất, bị rách nát hoặc bị hư hỏng; bị lỗi do in ấn;

- Giấy chứng nhận bị thu hồi do doanh nghiệp không khắc phục vi phạm hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch đúng theo thời hạn yêu cầu;

- Có sự thay đổi các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch; thay đổi, điều chỉnh Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước;

b) Trình tự, thủ tục cấp lại:

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch bị mất, bị rách nát hoặc bị hư hỏng; bị lỗi do in ấn: Doanh nghiệp gửi Cơ quan cấp Giấy chứng nhận Tờ khai đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận căn cứ hồ sơ lưu trữ để cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch trong thời hạn 10 ngày làm việc.

- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị thu hồi (bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, không khắc phục hậu quả

theo thời hạn yêu cầu), doanh nghiệp gửi Cơ quan cấp Giấy chứng nhận 01 Tờ khai đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 kèm theo chứng thực kết quả khắc phục các vi phạm và hậu quả do vi phạm hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch sau khi xác minh kết quả khắc phục hậu quả vi phạm;

- Trường hợp có thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận hết thời hạn: Doanh nghiệp gửi Cơ quan cấp Giấy chứng nhận 01 Tờ khai đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 và các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận thực hiện thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch.

4. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, không khắc phục hậu quả đúng theo thời hạn yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh nước sạch, giải thể hoặc phá sản;

- Doanh nghiệp không còn đáp ứng đủ điều kiện năng lực kinh doanh nước sạch theo quy định;

b) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận ra quyết định thu hồi và thông báo cho các cơ quan liên quan biết.

5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh nước sạch:

a) Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch có các quyền sau đây:

- Yêu cầu được cung cấp thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch;

- Được hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch trong phạm vi vùng dịch vụ cấp nước theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch;

- Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch.

b) Doanh nghiệp kinh doanh nước sạch có các nghĩa vụ sau đây:

- Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch trước khi đưa công trình cấp nước được đầu tư, xây dựng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch;

- Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ do mình cung cấp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận; nộp lệ phí theo quy định;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất, cung cấp nước sạch và pháp luật khác có liên quan;
- Duy trì, đảm bảo điều kiện năng lực hoạt động của doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận được cấp;
- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp xuất trình Giấy chứng nhận và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
- Khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ duy trì việc cung cấp nước ổn định, liên tục và tiếp tục khắc phục các vi phạm. Đồng thời doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không khắc phục kịp thời các vi phạm, ảnh hưởng đến việc an ninh, an toàn cung cấp nước sạch;
- Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận về cơ sở dữ liệu cấp nước theo quy định; kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch trong năm; kế hoạch phát triển cấp nước của năm kế tiếp và kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn cập nhật (nếu có);

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ khi quy định điều kiện kinh doanh nước sạch có hiệu lực.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 32 như sau:

“4. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền quyết định vùng phục vụ cấp nước cho các đơn vị cấp nước trên địa bàn. Vùng phục vụ cấp nước được điều chỉnh khi:

- a) Nhu cầu thay đổi vùng cấp nước do điều chỉnh quy hoạch, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.
- c) Tăng hiệu quả kinh tế kỹ thuật khi khai thác vận hành công trình cấp nước và có ý kiến của các đơn vị cấp nước có liên quan;
- b) Đơn vị cấp nước không đáp ứng yêu cầu về Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước hoặc kế hoạch phát triển cấp nước.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

“Điều 59. Nước cứu hỏa

1.. Hệ thống các trụ nước cứu hỏa phải được lắp đặt theo quy định. Các trụ nước cứu hỏa phải đảm luôn luôn có nước với áp lực tối thiểu theo tính toán của mạng lưới đường ống.

2. Đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm đầu tư, quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ các trụ nước cứu hỏa và các bể trữ nước kết hợp cấp nước cứu hỏa được lắp đặt trên mạng đường ống cấp nước, phù hợp với nội dung quy hoạch cấp nước phòng cháy chữa cháy.

3. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy địa phương phối hợp với các đơn vị cấp nước xây dựng quy chế về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo vệ các trụ nước cứu hỏa và các bể trữ nước đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn; phối hợp xử lý các vi phạm sử dụng nước sai mục đích từ họng cứu hỏa, bể trữ nước; xây dựng kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm và xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy từ hệ thống cấp nước.

4. Chi phí đầu tư, vận hành, bảo dưỡng, bảo vệ các trụ nước, bể trữ nước cứu hỏa và chi phí tiền nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy được tính vào giá nước sạch.

5. Bộ Xây dựng quy định chi tiết điều này.”

Điều x2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 10/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị

1. Sửa đổi điểm a khoản 5 và khoản 6, bổ sung khoản 10 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 5 như sau:

“a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị được nộp tại cơ quan quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều này;”

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

a) Sở Xây dựng cấp giấy phép chặt hạ đối với cây xanh thuộc danh mục cây được bảo tồn, cây xanh nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên hoặc các địa bàn hành chính không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thuộc địa bàn hành chính quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm a) khoản này;

c) Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép và giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II của Nghị định này.”

2. Bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

“4. Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này.”

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (02b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

Mẫu giấy tờ sử dụng trong hoạt động cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch

Mẫu số 01	Tờ khai đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch.
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH NƯỚC SẠCH

Kính gửi:

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:..... Website:

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:; mã số doanh nghiệp: do cấp ngày ... tháng ... năm 20.....

4. Vùng phục vụ cấp nước:

- Phạm vi vùng phục vụ 01:

- Phạm vi vùng phục vụ 02:

- Tên, vị trí nhà máy nước:

(mô tả ranh giới vùng phục vụ cấp nước, tên, vị trí các nhà máy nước đối với cấp nước bán lẻ hoặc bán buôn và bán lẻ; tên, vị trí nhà máy nước nếu chỉ cấp nước bán buôn)

- Sản lượng nước sạch bình quân ngày thực tế của vùng phục vụ cấp nước:

- Sản lượng nước sạch bình quân ngày thực tế và theo thiết kế của các nhà máy nước:

5. Lý do cấp/cấp lại:

.....
.....

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy chứng nhận./.

Kèm theo Tờ khai:

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20.../GCN- ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH NƯỚC SẠCH

(*Cấp theo quy định tại Nghị định số/20.../ND-CP ngày ... tháng ... năm 20
của Chính phủ*)

Ngày cấp:

Ngày cấp lại lần thứ nhất:

Ngày cấp lần thứ hai:

1. Tên doanh nghiệp (chữ in hoa):

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:; Mã số doanh nghiệp: do cấp ngày ... tháng ... năm 20 ...

3. Địa chỉ trụ sở chính (ghi đầy đủ số nhà/đường, phố/xã, phường/huyện, quận/tỉnh, thành phố);

4. Đủ điều kiện kinh doanh nước sạch:

- Vùng phục vụ cấp nước:
- Tên, vị trí, tổng sản lượng nước sạch theo thiết kế của các nhà máy nước:

Giấy chứng nhận này được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho doanh nghiệp kinh doanh nước sạch và 01 bản lưu tại cơ quan cấp giấy chứng nhận./.

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, bị rách phải ghi: "Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số ... ngày tháng... năm....".